

Công ty quản lý quỹ: Công Ty TNHH Quản Lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam)
Địa chỉ: Tầng 4, Manulife Plaza, 75 Hoàng Văn Thái, P. Tân Phú, Q 7, TPHCM
Điện thoại: 028 541 66 777. Fax: 028 541 60 761

Mẫu số B09 - CTQ

(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC của Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ III NĂM 2022

1

THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam) là một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Quyết định số 04/UBCK-GPHĐQLQ ngày 14 tháng 6 năm 2005 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp và quyết định điều chỉnh mới nhất số 122/GPĐC-UBCK ngày 24 tháng 12 năm 2021

Chủ sở hữu duy nhất của Công ty là Công ty trách nhiệm hữu hạn Manulife (Việt Nam), là một doanh nghiệp 100% vốn đầu tư nước ngoài được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép Đầu tư số 2122/GP ngày 12 tháng 6 năm 1999 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp và Giấy phép chấp thuận cho Công ty thực hiện kinh doanh bảo hiểm số 13TC/GCN ngày 20 tháng 5 năm 1999 do Bộ Tài chính cấp. Công ty mẹ đã tiến hành đăng ký lại giấy phép kinh doanh theo Luật kinh doanh bảo hiểm và nhận giấy phép thành lập và hoạt động mới số 13 GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 24 tháng 1 năm 2005 và giấy phép kinh doanh điều chỉnh mới nhất số 13/GPĐC27/KDBH ngày 6 tháng 9 năm 2021.

Hoạt động chính của Công ty là lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và quản lý danh mục đầu tư chứng khoán.

Công ty có trụ sở chính tại Tầng 4, Manulife Plaza, 75 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Vào thời điểm 30 tháng 09 năm 2022, Công ty có một (1) văn phòng đại diện tại Hà Nội.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 09 năm 2022 là 33 người (31 tháng 12 năm 2021: 28 người).

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2022, Công ty đang thực hiện quản lý:

- Danh mục đầu tư của Công ty trách nhiệm hữu hạn Manulife (Việt Nam)
- Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Manulife
- Quỹ Đầu tư Cân bằng Manulife

2

CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1

Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các chính sách kế toán được quy định tại Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành bao gồm:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành và công bố 4 Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành và công bố 6 Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành và công bố 6 Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2005 về việc ban hành và công bố 6 Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành và công bố 4 Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa các báo cáo này không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2

Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Công ty quản lý quỹ: Công Ty TNHH Quản Lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam)
Địa chỉ: Tầng 4, Manulife Plaza, 75 Hoàng Văn Thái, P. Tân Phú, Q. 7, TPHCM
Điện thoại: 028 541 66 777. Fax: 028 541 60 761

Mẫu số B09 - CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC của Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
QUÝ III NĂM 2022

2.3 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính quỹ được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND").

2.4 Hình thức số kế toán áp dụng
Hình thức số kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký chung.

TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỤC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN VIỆT NAM

Công ty cam kết đã lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các chính sách kế toán được quy định tại Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ.

TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1 Các thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Ngày 17 tháng 12 năm 2021, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư 114/2021/TT-BTC để bãi bỏ Thông tư số 146/2014/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ ("Thông tư 114"). Các thay đổi chủ yếu của Thông tư 114 bao gồm:

- Quy định việc xác định trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi sẽ được công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ, chi nhánh công ty quản lý quỹ nước ngoài được cấp giấy phép thành lập và hoạt động tại Việt Nam thực hiện theo quy định tại Thông tư 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, công trình xây dựng tại doanh nghiệp và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có);

- Đối với số dư quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ được trích lập theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC: sử dụng để bổ sung vốn điều lệ theo quy định hiện hành;
- Đối với số dư quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ được trích lập theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC: sử dụng để bổ sung vốn điều lệ hoặc sử dụng theo quyết định của Chủ tịch công ty theo quy định hiện hành.

Thông tư 114 có hiệu lực từ ngày 1 tháng 2 năm 2022.

Thông tư 24/2022/TT-BTC có hiệu lực từ ngày 25 tháng 5 năm 2022 về sửa đổi Thông tư 48/2019/TT-BTC hướng dẫn việc trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, công trình xây dựng tại doanh nghiệp.

Theo đó, đối tượng lập dự phòng tổn thất các khoản đầu tư chứng khoán được quy định như sau:

- Đối tượng lập dự phòng là các loại chứng khoán do các tổ chức kinh tế trong nước phát hành theo quy định của pháp luật, thuộc sở hữu của doanh nghiệp
- Đối tượng lập dự phòng nêu trên không bao gồm trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương.

Tiền và các khoản tương đương tiền

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Đầu tư tài chính ngắn hạn

4.3

Công ty quản lý quỹ: Công Ty TNHH Quản Lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam)
Địa chỉ: Tầng 4, Manulife Plaza, 75 Hoàng Văn Thái, P. Tân Phú, Q. 7, TPHCM
Điện thoại: 028 541 66 777. Fax: 028 541 60 761

Mẫu số B09 - CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011 TT-BTC của Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
QUÝ III NĂM 2022

Đầu tư ngắn hạn bao gồm tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng đảo hạn trong vòng 12 tháng hoặc dự định nắm giữ không quá một năm. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc vào ngày giao dịch và luôn được phân ánh theo giá gốc trong thời gian nắm giữ tiếp theo.

4.4 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính quý theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo tổn thất dự kiến có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào "Chi phí quản lý doanh nghiệp" trong kỳ.

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, Công ty thực hiện trích lập dự phòng.
Chi tiết tỷ lệ trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

Thời gian quá hạn

- Từ trên sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm
- Từ một (1) năm đến dưới hai (2) năm
- Từ hai (2) năm đến dưới ba (3) năm
- Từ ba (3) năm trở lên

Mức trích dự phòng
30%
50%
70%
100%

4.5 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

4.6 Thuê tài sản

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

4.7 Khấu hao

Khấu hao thiết bị vẫn phòng được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính là từ ba (3) đến năm (5) năm.

4.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ theo khoảng thời gian trả trước của chi phí hoặc theo khoảng thời gian các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Công ty quản lý quỹ: Công ty TNHH Quản Lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam)
Địa chỉ: Tầng 4, Manulife Plaza, 75 Hoàng Văn Thái, P. Tân Phú, Q. 7, TPHCM
Điện thoại: 028 541 66 777. Fax: 028 541 60 761

Mẫu số B09 - CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC của Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
QUÝ III NĂM 2022

4.9 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.10 Trợ cấp thời việc phải trả

Trợ cấp thời việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty từ đủ 12 tháng trở lên theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc cho khoảng thời gian người lao động đã làm việc thực tế cho Công ty nhưng không tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội mà chưa được chi trả khoản Trợ cấp thời việc. Mức lương bình quân tháng dùng để tính trợ cấp thời việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Khoản trợ cấp thời việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thời việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

4.11 Các quỹ

Công ty sử dụng lợi nhuận sau thuế hàng năm để trích lập các quỹ theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC ("Thông tư 146") do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 10 năm 2014 như sau:

Mức trích lập	Mức trích lập tối đa
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5% 10% vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	5% 10% vốn điều lệ

Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ được trích lập để sử dụng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty.

Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ được trích lập để bù đắp phần còn lại của những tổn thất, thiệt hại về tài sản xảy ra trong quá trình kinh doanh sau khi được bù đắp bằng tiền bồi thường của tổ chức, cá nhân gây ra tổn thất, của tổ chức bảo hiểm.

Các quỹ khác được trích lập theo Nghị quyết của Chủ sở hữu phù hợp với các quy định pháp lý có liên quan.

4.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Công ty áp dụng hướng dẫn tại Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 sửa đổi bổ sung một số điều Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 để hạch toán các nghiệp vụ bằng ngoại tệ.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với tiền tệ trong kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch ("tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình"). Tỷ giá xấp xỉ này có chênh lệch không vượt quá +/-1% so với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình. Tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình được xác định hàng tháng trên cơ sở trung bình cộng giữa tỷ giá mua và tỷ giá bán chuyển khoản hàng ngày của ngân hàng thương mại.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá thông báo bởi công ty mẹ.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Mẫu số B09 - CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC của Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
QUÝ III NĂM 2022

4.13 **Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Phi quân lý

Doanh thu được ghi nhận trên cơ sở dồn tích theo các điều kiện, điều khoản của hợp đồng quản lý đầu tư.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Thuế

4.14

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường

Công ty quản lý quỹ: Công Ty TNHH Quản Lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam)
Địa chỉ: Tầng 4, Manulife Plaza, 75 Hoàng Văn Thái, P. Tân Phú, Q. 7, TPHCM
Điện thoại: 028 541 66 777. Fax: 028 541 60 761

Mẫu số B09 - CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC của Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
QUÝ III NĂM 2022

hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

1. đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
2. công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

Công cụ tài chính

4.15
Công cụ tài chính – Ghi nhận ban đầu và trình bày

Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định việc phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, phải thu từ hoạt động quản lý quỹ và phải thu khác.

Công cụ tài chính – Ghi nhận ban đầu và trình bày (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các nợ phải trả tài chính thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, các khoản chi phí phải trả và phải trả khác.

Giá trị sau ghi nhận lần đầu

Hiện tại không có hướng dẫn về việc xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu. Do đó giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính đang được phản ánh theo nguyên giá.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán nếu, và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

5	TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền gửi thanh toán	40.529.369.522	25.279.124.852

Công ty quản lý quỹ: Công Ty TNHH Quản Lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam)
Địa chỉ: Tầng 4, Manulife Plaza, 75 Hoàng Văn Thái, P. Tân Phú, Q. 7, TPHCM
Điện thoại: 028 541 66 777. Fax: 028 541 60 761

Mẫu số B09 - CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC của Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Quý III năm 2022

- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank)	406.014.541	156.235.335
- Ngân hàng Citi Bank N.A. chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	23.328.950.434	23.932.333.325
- Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam)	16.794.404.547	1.190.556.192
Tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá ba (3) tháng	-	-
	40.529.369.522	25.279.124.852

CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
6		
Tiền gửi tại ngân hàng		
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV)	72.325.077.851	44.626.181.933
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (Vietinbank)	82.023.864.091	94.906.670.731
- Ngân hàng The Bank of Tokyo - Mitsubishi UFJ, Ltd, chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	129.186.612.165	114.894.801.069
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam	24.588.174.952	16.543.056.416
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank)	35.099.620.738	12.220.000.000
- Ngân hàng BNP Paribas, chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	43.710.126.344	-
- Ngân hàng DBS, chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	7.500.000.000	-
	394.433.476.141	283.190.710.149

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn của Công ty bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 3 tháng, kỳ hạn còn lại dưới 12 tháng tại ngày 30 tháng 09 năm 2022 và được hưởng lãi suất từ 2,6%/năm đến 6,6%/năm.

PHẢI THU HOẠT ĐỘNG NGHIỆP VỤ

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
7		
Phải thu hoạt động quản lý danh mục	23.383.721.236	21.257.089.627
Phải thu hoạt động quản lý Quỹ đầu tư Cổ phiếu Manulife	1.127.696.227	759.737.273

Công ty quản lý quỹ: Công Ty TNHH Quản Lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam)
Địa chỉ: Tầng 4, Manulife Plaza, 75 Hoàng Văn Thái, P. Tân Phú, Q. 7, TPHCM
Điện thoại: 028 541 66 777. Fax: 028 541 60 761

Mẫu số B09 - CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 123/2011 TT-BTC của Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
QUÝ III NĂM 2022

Phải thu hoạt động quản lý Quỹ đầu tư Cân bằng Manulife	315.743.883	288.390.566
Phải thu khác từ hoạt động nghiệp vụ	402.067.151	1.547.030.131
	25.229.228.497	23.852.247.597

8

CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
Lãi phải thu từ tiền gửi có kỳ hạn	6.390.933.058	3.952.272.647
Các khoản phải thu khác	5.000.000	5.220.000
	6.395.933.058	3.957.492.647

9

TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

*Thiết bị
vẫn phòng
VND*

Nguyên giá	
Ngày 1 tháng 1 năm 2022	605.045.280
Mua mới	-
Ngày 30 tháng 09 năm 2022	605.045.280
Trong đó:	
Tài sản để khấu hao hết	505.582.680

Giá trị khấu hao lũy kế

Ngày 1 tháng 1 năm 2022	(546.598.771)
Khấu hao trong năm	(18.214.389)
Ngày 30 tháng 09 năm 2022	(564.813.160)

Giá trị còn lại

Ngày 1 tháng 1 năm 2022	58.446.509
Ngày 30 tháng 09 năm 2022	40.232.120

Công ty quản lý quỹ: Công Ty TNHH Quản Lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam)
Địa chỉ: Tầng 4, Manulife Plaza, 75 Hoàng Văn Thái, P. Tân Phú, Q. 7, TPHCM
Điện thoại: 028 541 66 777. Fax: 028 541 60 761

Mẫu số B09 - CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011 TT-BTC của Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
QUÝ III NĂM 2022

10

CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Kỳ này VND	Năm trước VND
Số đầu kỳ	705.416.262	455.321.411
Tăng trong kỳ	1.380.082.567	627.960.000
Xóa sổ	(3.553.324)	-
Phân bổ trong kỳ	(565.731.833)	(377.865.149)
Số cuối kỳ	1.516.213.672	705.416.262

11

THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu kỳ VND	Trong kỳ Phải trả VND	Đã nộp VND	Số cuối kỳ VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.536.354.307	31.690.359.000	(27.032.709.307)	11.194.004.000
Thuế thu nhập cá nhân	839.396.576	10.625.553.123	(10.771.649.930)	693.299.769
Thuế nhà thầu	180.046.074	264.272.671	(443.763.065)	555.680
Thuế giá trị gia tăng	109.091	-	-	109.091
	7.555.906.048	42.580.184.794	(38.248.122.302)	11.887.968.540

12

CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
Tiền thưởng	6.677.724.340	8.214.514.000
Chi phí tiếp thị	1.426.000.000	2.031.000.000
Chi phí hỗ trợ phân phối chứng chỉ quỹ	718.000.642	1.864.110.582
Chi phí dịch vụ tư vấn	910.700.000	608.700.000
Thuế nhà thầu phí dịch vụ	740.100.007	405.300.007
Phúc lợi nhân viên	253.820.000	257.500.000
Chi phí phải trả khác	432.339.998	238.339.999
	11.158.684.987	13.619.464.588

Công ty quản lý quỹ: Công Ty TNHH Quản Lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam)
 Địa chỉ: Tầng 4, Manulife Plaza, 75 Hoàng Văn Thái, P. Tân Phú, Q. 7, TPHCM
 Điện thoại: 028 541 66 777. Fax: 028 541 60 761

Mẫu số B09 - CTQ
 (Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC của Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 QUÝ III NĂM 2022

CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ KHÁC

13	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
Phải trả các bên liên quan	6.954.988.067	3.869.048.908
Tiền thưởng cho quản lý cấp cao	1.948.999.675	2.073.622.874
Khác	26.323.260	282.795.823
	8.930.311.002	6.225.467.605
	0	0

VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

14	Theo Giấy phép điều chỉnh số 05/GPĐC-UBCK VND	Tỷ lệ sở hữu (%)	Vốn đã góp VND
Công ty TNHH Manulife (Việt Nam)	83.000.000.000	100	83.000.000.000

DOANH THU VỀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

15	Cho kỳ kế toán kết thúc Ngày 30 tháng 09 năm 2022	Cho kỳ kế toán kết thúc Ngày 30 tháng 09 năm 2021
	VND	VND
Phí quản lý danh mục đầu tư từ Công ty TNHH Manulife (Việt Nam)	193.640.345.060	136.382.584.872
Phí quản lý Quỹ đầu tư Cổ phiếu Manulife	9.539.033.052	4.128.831.681
Phí quản lý Quỹ đầu tư Cân bằng Manulife	2.771.121.375	2.015.994.243
Phí thu từ các giao dịch mua/bán chứng chỉ quỹ	7.904.016.670	6.141.422.133
	213.854.516.157	148.668.832.929

CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

16	Cho kỳ kế toán kết thúc Ngày 30 tháng 09 năm 2022	Cho kỳ kế toán kết thúc Ngày 30 tháng 09 năm 2021
	VND	VND
Chi phí nhân viên	18.665.255.973	17.332.363.833
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.384.548.051	1.693.424.987
Thuế văn phòng	553.906.417	517.279.413
Chi phí bảo hiểm	200.713.873	168.638.116

Công ty quản lý quỹ: Công Ty TNHH Quản Lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam)
 Địa chỉ: Tầng 4, Manulife Plaza, 75 Hoàng Văn Thái, P. Tân Phú, Q. 7, TPHCM
 Điện thoại: 028 541 66 777. Fax: 028 541 60 761

Mẫu số B09 - CTQ
 (Ban hành theo Thông tư số 123/2011 TT-BTC của Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 QUÝ III NĂM 2022

Chi phí khấu hao	5.765.507	3.630.976
Chi phí khác	656.520.037	168.232.397
	22.466.709.858	19.883.569.722
		0

DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc Ngày	Cho kỳ kế toán kết thúc Ngày 30 tháng 09 năm 2022	Cho kỳ kế toán kết thúc Ngày 30 tháng 09 năm 2021
	VND	VND
Thu nhập lãi từ tiền gửi	10.431.971.522	6.733.815.438
Lãi chênh lệch tỷ giá	-	96.634.309
	10.431.971.522	6.830.449.747
		0

CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

Cho kỳ kế toán kết thúc Ngày	Cho kỳ kế toán kết thúc Ngày 30 tháng 09 năm 2022	Cho kỳ kế toán kết thúc Ngày 30 tháng 09 năm 2021
	VND	VND
Chi phí nhân viên	18.195.917.590	14.641.003.397
Chi phí hỗ trợ phân phối chứng chỉ quỹ	9.748.947.572	6.897.102.146
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.037.898.988	3.922.518.646
Chi phí tiếp thị	3.376.315.225	3.000.490.693
Chi phí duy trì hệ thống Quản lý tài sản	1.822.599.451	1.852.164.250
Chi phí dịch vụ IT	1.295.677.707	-
Thuế văn phòng	1.195.994.291	1.153.232.862
Chi phí bảo hiểm	438.379.220	375.130.510
Chi phí khấu hao	12.448.882	8.125.459
Chi phí khác	933.820.481	521.217.643
	41.057.999.407	32.370.985.605
		0

THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

19 Công ty có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với mức thuế suất bằng 20% lợi nhuận chịu thuế từ năm 2016.

Công ty chưa được cơ quan thuế quyết toán thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Công ty quản lý quỹ: Công Ty TNHH Quản Lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam)
 Địa chỉ: Tầng 4, Manulife Plaza, 75 Hoàng Văn Thái, P. Tân Phú, Q. 7, TPHCM
 Điện thoại: 028 541 66 777. Fax: 028 541 60 761

Mẫu số B09 - CTQ
 (Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC của Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 QUÝ III NĂM 2022

	Cho kỳ kế toán kết thúc 30 tháng 09 năm 2022	Cho kỳ kế toán kết thúc Ngày 30 tháng 09 năm 2021
	VND	VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành	31.690.359.000	20.970.239.000
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	481.382.468	(248.361.183)
	32.171.741.468	20.721.877.817

19.1 Chi phí Thuế TNDN

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	Cho kỳ kế toán kết thúc Ngày 30 tháng 09 năm 2022	Cho kỳ kế toán kết thúc Ngày 30 tháng 09 năm 2021
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	160.456.566.615	103.231.946.845
Thuế TNDN theo thuế suất 20% (2021: 20%)	32.091.313.323	20.646.389.369
Điều chỉnh tăng:		
Các khoản phạt	-	259.712
Chi phí không được khấu trừ thuế	80.428.145	75.228.736
Điều chỉnh giảm:		
Lỗi chuyển sang	-	-
Sử dụng tài sản Thuế TNDN hoãn lại không được ghi nhận	-	-
Chi phí thuế TNDN ước tính	32.171.741.468	20.721.877.817
Thuế TNDN được giảm	-	-
Chi phí thuế TNDN	32.171.741.468	20.721.877.817

19.2 Chi phí Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm trước và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc năm kế toán.

19.3 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Công ty đã ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại với các biến động trong kỳ báo cáo và kỳ trước như sau:

Công ty quản lý quỹ: Công Ty TNHH Quản Lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam)
Địa chỉ: Tầng 4, Manulife Plaza, 75 Hoàng Văn Thái, P. Tân Phú, Q 7, TPHCM
Điện thoại: 028 541 66 777. Fax: 028 541 60 761

Mẫu số B09 - CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 123/2011 TT-BTC của Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
QUÝ III NĂM 2022

Bảng cân đối kế toán		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	
Số cuối kỳ	Số đầu năm	Cho kỳ kế toán kết thúc Ngày 30 tháng 09 năm 2022	Cho kỳ kế toán kết thúc Ngày 30 tháng 09 năm 2021
VND	VND	VND	VND
Chi phí phải trả	2.231.737.000	2.723.892.918	250.593.233
Trợ cấp thôi việc	124.943.000	114.169.550	(2.232.050)
	2.356.680.000	2.838.062.468	248.361.183

20 NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Cho kỳ kế toán kết thúc Ngày 30 tháng 09 năm 2022	Cho kỳ kế toán kết thúc Ngày 30 tháng 09 năm 2021
			VND	VND
Công ty TNHH Manulife (Việt Nam)	Công ty mẹ	Phí quản lý danh mục đầu tư Trả chi phí thuế văn phòng Trả chi phí dịch vụ	193.640.345.060 1.749.900.708 1.530.003.742	136.382.584.872 1.670.512.275 1.399.890.951
Quỹ đầu tư Cổ phiếu Manulife ("MAFEQI")	Bên liên quan	Phí quản lý quỹ	9.539.033.052	4.128.831.681
Quỹ đầu tư Cân bằng Manulife ("MAFBAL")	Bên liên quan	Phí quản lý quỹ	2.771.121.375	2.015.994.243
Manulife Financial Asia Limited	Công ty mẹ cấp cao	Chi phí dịch vụ chi hộ Chi phí dịch vụ IT	78.357.056 1.167.098.918	- -
John Hancock Life Insurance Company (U.S.A)	Bên liên quan	Chi phí duy trì hệ thống Quản lý tài sản	531.162.142	485.054.123
The Manufacturers Life Insurance Company	Công ty mẹ cấp cao	Chi phí duy trì hệ thống Quản lý tài sản Chi phí dịch vụ chi hộ	1.093.525.154 1.880.615	1.144.325.539 61.809.273

Công ty quản lý quỹ: Công ty TNHH Quản Lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam)
Địa chỉ: Tầng 4, Manulife Plaza, 75 Hoàng Văn Thái, P. Tân Phú, Q.7, TPHCM
Điện thoại: 028 541 66 777. Fax: 028 541 60 761

Mẫu số B09 - CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011 TT-BTC của Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
QUÝ III NĂM 2022

Manulife Data Services Inc.	Bên liên quan	Chi phí dịch vụ thiết kế Khóa học online về Nội quy lao động	11.136.364
Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:			
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm Phải thu/ (Phải trả) VND</i>
Công ty TNHH Manulife (Việt Nam)	Công ty mẹ	Phải thu phí quản lý danh mục đầu tư	21.257.089.627
Quý đầu tư Cổ phiếu Manulife ("MAFEQI")	Bên liên quan	Phải thu phí quản lý quỹ	759.737.273
Quý đầu tư Cân bằng Manulife ("MAFBAL")	Bên liên quan	Phải thu phí quản lý quỹ	288.390.566
Manulife Financial Asia Limited	Công ty mẹ cấp cao	Chi phí dịch vụ IT và chi phí dịch vụ chi hộ	(1.165.650.550)
Manulife Data Service, Inc	Bên liên quan	Chi phí dịch vụ thiết kế Khóa học online về Nội quy lao động	(11.113.200)
John Hancock Life Insurance Company (U.S.A)	Bên liên quan	Chi phí duy trì hệ thống Quản lý tài sản	(775.853.488)
The Manufacturers Life Insurance Company	Công ty mẹ cấp cao	Chi phí duy trì hệ thống Quản lý tài sản và chi phí dịch vụ chi hộ	(1.916.431.670)

21

TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

	<i>Số cuối kỳ VND</i>	<i>Số đầu năm VND</i>
Công ty TNHH Manulife (Việt Nam) (i)	12.517.929.165.194	11.553.959.471.166

Công ty quản lý quỹ: Công Ty TNHH Quản Lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam)
Địa chỉ: Tầng 4, Manulife Plaza, 75 Hoàng Văn Thái, P. Tân Phú, Q 7, TPHCM
Điện thoại: 028 541 66 777. Fax: 028 541 60 761

Mẫu số B09 - CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011 TT-BTC của Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
QUÝ III NĂM 2022

Quỹ MAFEQI (ii)	30.748.759.602	46.175.955.864
Quỹ MAFBAL (iii)	40.534.926.343	75.049.862.483
Quỹ MAFPF1 (iv)	398.101.214	449.742.378
	12.589.610.952.353	11.675.635.031.891
	0	0

(i) Công ty TNHH Manulife (Việt Nam)

	Cho kỳ kế toán kết thúc Ngày 30 tháng 09 năm 2022	Năm trước
	VND	VND
Số đầu kỳ	11.553.959.471.166	1.289.930.018.047
Tăng trong kỳ	26.964.426.678.676	75.864.912.670.069
Nhận tiền từ bán chứng khoán và các khoản đầu tư tiền gửi	8.399.235.176.605	28.223.884.546.154
Tiền thu từ nhà đầu tư ủy thác	10.763.185.882.008	37.235.379.650.384
Tiền lãi, cổ tức, và tiền tăng khác	7.802.005.620.063	10.405.648.473.531
Giảm trong kỳ	(26.000.456.984.648)	(65.600.883.216.950)
Thanh toán mua chứng khoán và các khoản đầu tư tiền gửi	(14.690.162.911.749)	(47.961.219.364.366)
Rút vốn của nhà đầu tư ủy thác	(5.743.502.663.795)	(10.900.213.315.944)
Chi phí và tiền giảm khác	(5.566.791.409.104)	(6.739.450.536.640)
Số cuối kỳ	12.517.929.165.194	11.553.959.471.166
	(0)	-

Quỹ MAFEQI

	Cho kỳ kế toán kết thúc Ngày 30 tháng 09 năm 2022	Năm trước
	VND	VND

Số đầu kỳ	46.175.955.864	2.971.034.387
Tăng trong kỳ	1.529.127.994.079	1.869.430.051.526
Nhận tiền từ bán chứng khoán	250.290.130.436	285.720.195.864
Tiền thu phát hành chứng chỉ quỹ	415.517.436.828	508.557.618.591
Tiền lãi, cổ tức, và tiền tăng khác	863.309.849.096	1.075.118.487.049
Nhận từ giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ MAFEQI với vai trò là Đại lý ký danh	10.577.719	33.750.022

Công ty quản lý quỹ: Công Ty TNHH Quản Lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam)
 Địa chỉ: Tầng 4, Manulife Plaza, 75 Hoàng Văn Thái, P. Tân Phú, Q. 7, TPHCM
 Điện thoại: 028 541 66 777. Fax: 028 541 60 761

Mẫu số B09 - CTQ
 (Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC của Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 QUÝ III NĂM 2022

Giảm trong kỳ	(1.544.555.190.341)	(1.826.225.130.049)
Thanh toán mua chứng khoán	(531.940.736.001)	(536.375.334.271)
Tiền chi mua lại chứng chỉ quỹ	(132.535.408.219)	(214.007.557.168)
Chi phí và tiền giảm khác	(880.068.468.402)	(1.075.808.488.588)
Thanh toán mua lại chứng chỉ quỹ MAFEQI cho nhà đầu tư với vai trò là Đại lý ký danh	(10.577.719)	(33.750.022)
Số cuối kỳ	30.748.759.602	46.175.955.864

(iii) **Quỹ MAFBAL**

	Cho kỳ kế toán kết thúc Ngày 30 tháng 09 năm 2022	Năm trước
	VND	VND
Số đầu kỳ	75.049.862.483	8.859.417.725
Tăng trong kỳ	323.931.323.836	646.768.762.838
Nhận tiền từ bán chứng khoán và các khoản đầu tư tiền gửi	102.341.002.656	245.187.696.219
Tiền lãi, cổ tức, và tiền tăng khác	54.720.583.414	129.996.551.062
Tiền gửi của nhà đầu tư quỹ MAFBAL trong năm với vai trò là Đại lý ký danh (*)	136.027.406.576	249.012.643.836
Nhận từ giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ MAFBAL với vai trò là Đại lý ký danh	23.218.797.680	20.574.494.600
Giảm trong kỳ	7.623.533.510	1.997.377.121
Thanh toán mua chứng khoán và các khoản đầu tư tiền gửi	(358.446.259.976)	(580.578.318.080)
Tiền chi mua lại chứng chỉ quỹ	(180.287.056.716)	(264.174.431.934)
Chi phí và tiền giảm khác	(31.573.819.917)	(45.629.170.822)
Mua chứng chỉ quỹ MAFBAL với vai trò là Đại lý ký danh	(115.016.281.153)	(249.940.614.603)
Thanh toán mua lại chứng chỉ quỹ MAFBAL cho nhà đầu tư với vai trò là Đại lý ký danh	(23.945.568.680)	(18.836.723.600)
Số cuối kỳ	7.623.533.510	(1.997.377.121)
	40.534.926.343	75.049.862.483

(*) Trong kỳ, Công ty với vai trò là Đại lý ký danh đã nhận các khoản tiền gửi của các nhà đầu tư với số tiền là 23.218.797.680 VND với cùng mục đích là mua chứng chỉ quỹ MAFBAL.

Công ty quản lý quỹ: Công Ty TNHH Quản Lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam)
 Địa chỉ: Tầng 4, Manulife Plaza, 75 Hoàng Văn Thái, P. Tân Phú, Q. 7, TPHCM
 Điện thoại: 028 541 66 777. Fax: 028 541 60 761

Mẫu số B09 - CTQ
 (Ban hành theo Thông tư số 125/2011 TT-BTC của Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 QUÝ III NĂM 2022

(iv)	Quý MAFPF1 (**)		
	Cho kỳ kế toán kết thúc Ngày		Năm trước
	30 tháng 09 năm 2022	VND	VND
	Số đầu kỳ	449.742.378	449.742.378
	Giảm trong kỳ	-	-
	Rút vốn của nhà đầu tư ủy thác	(51.641.164)	-
	Số cuối kỳ	398.101.214	449.742.378
	(**) Tại ngày lập báo cáo này, Quý đã ngừng hoạt động		

DANH MỤC ĐẦU TƯ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
Công ty TNHH Manulife (Việt Nam) (i)	73.084.582.222.856	81.776.975.798.988
Quý MAFEQI (ii)	651.720.785.300	573.246.980.300
Quý MAFBAL (iii)	248.635.241.408	233.682.110.140
	73.984.938.249.564	82.583.904.889.428
	0	0
Công ty TNHH Manulife (Việt Nam)		

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
Chứng khoán vốn		
Trong đó, các chứng khoán bị suy giảm giá trị:		
VNM	89.233.166.100	258.933.888.000
SAB	295.591.150.000	216.127.810.000
VIC	57.576.035.000	165.244.323.172
VRE	657.240.220.000	158.101.664.700
PLX	-	155.996.302.000
VPB	557.507.556.000	115.012.847.016
VHM	919.863.129.900	114.970.560.000
HPG	778.371.250.000	103.105.486.400

Công ty quản lý quỹ: Công Ty TNHH Quản Lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam)
 Địa chỉ: Tầng 4, Manulife Plaza, 75 Hoàng Văn Thái, P. Tân Phú, Q. 7, TPHCM
 Điện thoại: 028 541 66 777. Fax: 028 541 60 761

Mẫu số B09 - CTQ
 (Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC của Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 QUÝ III NĂM 2022

PTB	140.151.440.000	91.525.500.000
VCS	53.359.040.000	72.832.500.000
TCB	464.658.675.000	57.400.000.000
GAS	7.051.000.000	40.443.442.000
FPT	-	29.053.200.000
SSI	47.873.192.400	26.034.680.000
VCB	53.646.376.800	22.150.900.640
DRC	158.859.060.000	17.379.595.000
VCI	5.404.308.000	14.239.680.000
DHC	72.527.440.000	13.697.100.000
CTG	430.015.108.800	12.688.770.000
ELC	-	12.185.340.000
DBC	-	11.731.100.000
BVH	-	11.203.080.000
VHC	-	10.958.600.000
BHN	11.311.800.000	8.776.735.000
REE	18.836.895.000	7.739.200.000
GIL	-	7.712.000.000
DGC	4.933.885.600	5.420.610.000
OCB	-	4.971.330.000
PNJ	26.151.763.000	2.154.880.000
GDT	-	1.699.120.000
IJC	10.113.520.000	1.302.080.000
KBC	334.049.028.000	1.161.280.000
HVN	-	3.935.500
ROS	502.000	2.176.000
HAG	-	186,2
PVD	-	77.535
MSN	4.597.560.000	-
NLG	19.925.431.500	-
PHR	207.341.300.000	-
STB	70.360.144.600	-
MWG	10.764.800.000	-
KDH	76.880.225.400	-
DXS	102.918.795.600	-
BWE	240.741.900.000	-
ACB	310.139.527.800	-

Công ty quản lý quỹ: Công Ty TNHH Quản Lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam)
Địa chỉ: Tầng 4, Manulife Plaza, 75 Hoàng Văn Thái, P. Tân Phú, Q 7, TPHCM
Điện thoại: 028 541 66 777. Fax: 028 541 60 761

Mẫu số B09 - CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011 TT-BTC của Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
QUÝ III NĂM 2022

BID	60.362.916.300	-
GVR	152.397.491.400	-
MBB	856.974.440.000	-
DGW	221.716.320.000	-
TPB	219.041.375.000	-
ACV	7.500.000.000	-
GMD	23.771.520.000	-
IDC	6.279.595.000	-
PVT	269.970.400.000	-
VND	27.423.900.000	-
HDG	12.071.131.600	-
Chứng khoán khác	-	3.458.750
Chứng khoán nợ	56.721.539.156.926	62.536.589.124.960
Trong đó, các chứng khoán bị suy giảm giá trị:		
VIETGB	18.656.894.851.451	8.217.254.150.000
VDBGB	13.848.132.612.500	3.297.892.800.000
LPBN	1.220.759.530.980	1.219.598.678.020
HOANMC	950.992.991.340	914.916.050.220
PANGRO	844.976.500.550	844.922.429.000
NALIN	779.952.061.800	779.977.812.000
CIIVN	716.949.810.000	704.960.026.860
ACBVN	609.863.055.000	609.966.633.000
HPEJSC	533.954.140.080	529.991.043.000
REEVN	507.965.374.720	507.973.584.000
HDBVN	1.099.811.110.500	499.978.626.500
TRUHAJ	499.937.020.000	479.988.097.000
MWGVN	-	479.968.982.000
MACHVN	419.970.398.400	419.964.972.000
OCJSBK	334.922.507.800	334.867.943.000
VICVN	299.976.330.000	299.965.320.000
TCSCH	-	264.964.649.000
VHNVN	-	234.164.012.739
BSIVN	139.988.800.000	119.993.686.600
MSNVN	-	-
BECINV	99.997.500.000	-

Công ty quản lý quỹ: Công Ty TNHH Quản Lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam)
 Địa chỉ: Tầng 4, Manulife Plaza, 75 Hoàng Văn Thái, P. Tân Phú, Q. 7, TPHCM
 Điện thoại: 028 541 66 777. Fax: 028 541 60 761

Mẫu số B09 - CTQ
 (Ban hành theo Thông tư số 125/2011 TT-BTC của Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 QUÝ III NĂM 2022

TNDLWP	219.992.300.000	109.992.666.300
EVNFIN	929.936.350.800	-
MMGVN	479.975.520.000	-
SEACBK	349.979.290.500	-
TCMSEC	264.957.600.000	-
TRUNAM	199.974.408.000	-
VIDRE	30.978.979.520	-
Tiền gửi có kỳ hạn	6.703.369.138.230	6.994.702.776.478
	73.084.582.222.856	81.776.975.798.988
	0	0

(ii) Quỹ MAFEQI

Số cuối kỳ
 VND

Số đầu năm
 VND

Chứng khoán vốn	651.720.785.300	573.246.980.300
Trong đó, các chứng khoán bị suy giảm giá trị:		
VIC	-	30.424.677.300
VNM	-	13.589.164.800
VRE	38.228.428.000	12.238.690.100
PLX	-	12.159.840.000
SAB	14.391.150.000	11.746.290.000
OCB	-	7.603.050.000
VHC	-	6.964.520.000
IJC	-	5.558.880.000
BWE	21.388.500.000	3.908.190.000
BVH	-	3.813.600.000
PTB	6.738.160.000	3.286.800.000
VSC	-	2.971.180.500
KBC	4.365.457.000	-
KDH	14.138.265.900	-
VND	5.435.150.000	-
VHM	28.317.572.400	-
PNJ	21.432.421.000	-
HDG	2.928.283.600	-
BID	25.408.151.700	-

Công ty quản lý quỹ: Công Ty TNHH Quản Lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam)
 Địa chỉ: Tầng 4, Manulife Plaza, 75 Hoàng Văn Thái, P. Tân Phú, Q 7, TPHCM
 Điện thoại: 028 541 66 777. Fax: 028 541 60 761

Mẫu số B09 - CTQ
 (Ban hành theo Thông tư số 123/2011 TT-BTC của Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 QUÝ III NĂM 2022

REE	18.836.895.000	-
ACB	27.872.388.600	-
TCB	19.239.675.000	-
VCB	40.357.575.600	-
IDC	6.279.595.000	-
PHR	9.041.910.000	-
STB	16.248.868.000	-
HPG	32.820.228.800	-
VPB	23.194.152.000	-
CTG	25.102.353.600	-
GMD	20.664.000.000	-
DGW	9.660.000.000	-
MBB	40.832.460.000	-
Chứng khoán khác	0	2.345.550
	651.720.785.300	573.246.980.300
	0	0

(iii) Quỹ MAFBAL

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
Chứng khoán vốn	131.943.443.500	154.731.496.900
Trong đó, các chứng khoán bị suy giảm giá trị:		
VHM	-	12.850.220.000
VIC	-	4.429.187.400
CTG	-	3.311.419.800
GAS	-	3.174.600.000
VNM	-	3.049.920.000
GVR	-	2.840.716.000
VHC	-	2.179.160.000
DGC	4.933.885.600	1.758.900.000
DBC	-	1.679.000.000
VTP	-	1.426.770.000
CTG	5.073.422.400	-
VHM	6.444.477.000	-
PNJ	4.719.342.000	-

Công ty quản lý quỹ: Công Ty TNHH Quản Lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam)
Địa chỉ: Tầng 4, Manulife Plaza, 75 Hoàng Văn Thái, P. Tân Phú, Q. 7, TPHCM
Điện thoại: 028 541 66 777. Fax: 028 541 60 761

Mẫu số B09 - CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC của Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
QUÝ III NĂM 2022

GMD	3.107.520.000	-
TCB	4.764.500.000	-
MSN	4.597.560.000	-
KDH	3.836.959.500	-
ACB	4.575.997.200	-
VCB	13.288.801.200	-
VRE	6.367.200.000	-
DGW	1.932.000.000	-
BID	2.329.980.900	-
PHR	1.845.850.000	-
STB	3.926.360.000	-
HPG	5.020.817.200	-
PVT	5.621.280.000	-
MBB	13.187.180.000	-
Chứng khoán khác	-	46.300
Chứng khoán nợ	64.591.243.585	32.300.263.552
Trong đó, các chứng khoán bị suy giảm giá trị:		
VIDIRE	30.978.979.520	-
VHVN	-	12.060.315.552
Tiền gửi có kỳ hạn	52.100.554.323	46.650.349.688
	248.635.241.408	233.682.110.140
	0	0

CÁC KHOẢN PHẢI THU CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
Phải thu lãi trái phiếu, cổ tức và lãi tiền gửi	1.608.283.398.914	1.067.762.215.307
Phải thu bán chứng khoán	226.615.584.618	3.550.999.499
	1.834.898.983.532	1.071.313.214.806

Công ty quản lý quỹ: Công Ty TNHH Quản Lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam)
 Địa chỉ: Tầng 4, Manulife Plaza, 75 Hoàng Văn Thái, P. Tân Phú, Q. 7, TPHCM
 Điện thoại: 028 541 66 777. Fax: 028 541 60 761

Mẫu số B09 - CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011 TT-BTC của Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
QUÝ III NĂM 2022

24

CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
Phải trả phí khác	2.664.012.581	3.491.505.872
Phải trả tiền mua chứng khoán	195.551.196.765	30.751.633.362
	198.215.209.346	34.243.139.234
	0	0

25

CAM KẾT THUẾ HOẠT ĐỘNG

Công ty hiện đang thuế văn phòng theo hợp đồng thuế hoạt động. Vào ngày 30 tháng 09 năm 2022, các khoản tiền thuế phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuế hoạt động được trình bày như sau:

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
Dưới 1 năm	480.804.143	2.147.961.260
Từ 1 năm đến dưới 5 năm	13.790.598	96.534.186
	494.594.741	2.244.495.446
	0	0

26

MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Công ty có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Tổng Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

26.1

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản tiền gửi.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tương đương tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty. Đây là các khoản đầu tư ngắn hạn và không được Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ sự

Công ty quản lý quỹ: Công Ty TNHH Quản Lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam)
 Địa chỉ: Tầng 4, Manulife Plaza, 75 Hoàng Văn Thái, P. Tân Phú, Q. 7, TPHCM
 Điện thoại: 028 541 66 777. Fax: 028 541 60 761

Mẫu số B09 - CTQ
 (Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC của Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 QUÝ III NĂM 2022

tăng lên trong giá trị.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì các khoản tiền gửi của Công ty có lãi suất cố định.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro tỷ giá ngoại tệ là rủi ro liên quan đến lỗ phát sinh từ biến động của tỷ giá trao đổi ngoại tệ. Biến động tỷ giá trao đổi giữa đồng Việt Nam và các ngoại tệ mà Công ty có sử dụng có thể ảnh hưởng đến trạng thái tài chính và kết quả hoạt động của Công ty. Rủi ro tỷ giá ngoại tệ đối với Công ty chủ yếu đến từ tỷ giá trao đổi giữa đô la Mỹ và đồng Việt Nam. Công ty hạn chế rủi ro này bằng cách giảm thiểu trạng thái ngoại tệ ròng.

Rủi ro về tỷ giá ngoại tệ của Công ty không lớn vì phần lớn các tài sản tài chính của Công ty là bằng đồng Việt Nam và các khoản nợ tài chính bằng ngoại tệ chỉ phát sinh với các bên liên quan và có giá trị không trọng yếu.

26.2 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

26.3 Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.
 Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở không chiết khấu.

Ngày 30 tháng 09 năm 2022	Dưới 3 tháng VND	Từ 3 đến 12 tháng VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng cộng VND
Tài sản tài chính					
Tiền và các khoản tương đương tiền	40.529.369.522	-	-	-	40.529.369.522
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	53.300.349.374	341.133.126.767	-	-	394.433.476.141
Phải thu hoạt động nghiệp vụ	25.229.228.497	-	-	-	25.229.228.497
Các khoản phải thu khác	1.870.330.660	4.520.602.398	-	-	6.390.933.058
	120.929.278.053	345.653.729.165	-	-	466.583.007.218

Công ty quản lý quỹ: Công Ty TNHH Quản Lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam)
 Địa chỉ: Tầng 4, Manulife Plaza, 75 Hoàng Văn Thái, P. Tân Phú, Q 7, TPHCM
 Điện thoại: 028 541 66 777. Fax: 028 541 60 761

Mẫu số B09 - CTQ
 (Ban hành theo Thông tư số 125/2011 TT-BTC của Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 QUÝ III NĂM 2022

Nợ phải trả tài chính				
Các khoản phải trả, phải nộp khác	-	6.954.988.067	-	6.954.988.067
Chi phí phải trả	3.740.860.640	740.100.007	-	4.480.960.647
	3.740.860.640	7.695.088.074	-	11.435.948.714
Ngày 31 tháng 12 năm 2021				
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	25.279.124.852	-	-	25.279.124.852
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	84.702.656.299	198.488.053.850	-	283.190.710.149
Phải thu hoạt động nghiệp vụ	23.852.247.597	-	-	23.852.247.597
Các khoản phải thu khác	1.563.028.668	2.389.243.979	-	3.952.272.647
	135.397.057.416	200.877.297.829	-	336.274.355.245
Nợ phải trả tài chính				
Các khoản phải trả, phải nộp khác	-	3.869.048.908	-	3.869.048.908
Chi phí phải trả	4.999.650.581	405.300.007	-	5.404.950.588
	4.999.650.581	4.274.348.915	-	9.273.999.496

TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

27 Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	40.529.369.522	25.279.124.852	40.529.369.522	25.279.124.852
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	394.433.476.141	283.190.710.149	394.433.476.141	283.190.710.149
Phải thu hoạt động nghiệp vụ	25.229.228.497	23.852.247.597	25.229.228.497	23.852.247.597
Các khoản phải thu khác	6.390.933.058	3.952.272.647	6.390.933.058	3.952.272.647
	466.583.007.218	336.274.355.245	466.583.007.218	336.274.355.245
Nợ phải trả tài chính				
Các khoản phải trả, phải nộp khác	6.954.988.067	3.869.048.908	6.954.988.067	3.869.048.908
Chi phí phải trả	4.480.960.647	5.404.950.588	4.480.960.647	5.404.950.588
	11.435.948.714	9.273.999.496	11.435.948.714	9.273.999.496

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ

Công ty quản lý quỹ: Công Ty TNHH Quản Lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam)
Địa chỉ: Tầng 4, Manulife Plaza, 75 Hoàng Văn Thái, P. Tân Phú, Q. 7, TPHCM
Điện thoại: 028 541 66 777. Fax: 028 541 60 761

Mẫu số B09 - CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC của Bộ Tài chính)


BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
QUÝ III NĂM 2022

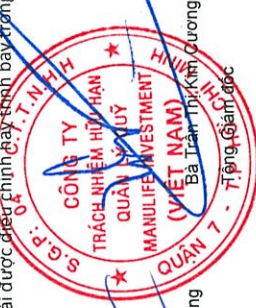
Trường hợp bất buộc phải bán hoặc thanh lý.
Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, phải thu hoạt động nghiệp vụ, phải thu khác, khoản phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do chủ yếu những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

28

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC QUÝ
Không có các sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc quý yêu cầu phải được điều chỉnh hay thay đổi bất kỳ trong báo cáo tài chính của Công ty.


Bà Nguyễn Thị Kim Oanh
Người lập


Bà Lê Thị Kim Dung
Kế toán trưởng



Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 19 tháng 10 năm 2022